

BÌNH GIẢNG QUẺ DỰ :

NHẠC VÀ NHẠC LÝ CỔ TRUNG HOA [1]

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



Chữ **Nhạc** đây không chỉ là ca nhạc, mà còn gồm cả vũ đạo (múa). Nhạc ký viết: «Chuông, trống, sáo, khánh, vĩ, thước, can, qua, là những nhạc khí; co duỗi, uốn, khom, chụm, tỏa, nhanh, chậm, là nhạc văn.» [2]

Nói cách khác, nhạc gồm: Thi, Ca, Nhạc, Vũ.

Nhạc là sự phối hợp của thanh âm, màu sắc, tiết tấu, chuyển động để mà kích thích, di dưỡng tâm thần con người.

Vậy khi bàn về nhạc cổ Trung Hoa, ta lần lượt đề cập:

- Ngũ thanh và thập nhị luật.
- Bát âm và nhạc khí.
- Vũ khí (dụng cụ dùng để múa: đạo cụ).

A. NGŨ THANH VÀ THẬP NHỊ LUẬT

Âm nhạc Trung Hoa gồm có: ngũ thanh và thập nhị luật.

1. Ngũ thanh

Ngũ thanh là:

- Cung 宮 (Quân 君, 81, Thái Cực)
- Thương 商 (Thần 臣, 72, Thiếu Dương)
- Giốc 角 (Dân 民, 64, Thiếu Âm)
- Chủy 徵 (Sự 事, 54, Thái Dương)
- Vũ 羽 (Vật 物, 48, Thái Âm)

Ví dụ đàn có 5 dây, thì:

- Cung là dây Fa (F)

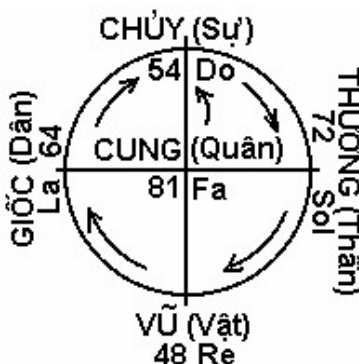
- Thương là giây Sol (G)
- Giốc là giây La (A)
- Chủy là giây Do (C)
- Vũ là giây Re (D)^[3]

Năm cung tương sinh theo định luật «Tam phân tổn ích, cách bát tương sinh.»

- Cung = 81
- Chủy = (81 x 2): 3 = 54
- Thương = (54 x 4): 3 = 72
- Vũ = (72 x 2): 3 = 48
- Giốc = (48 x 4): 3 = 64

Vẽ lên vòng tròn, ta có:

- Cung là vua (quân 君) ở Trung cung, điều xướng tứ phương, làm chủ chốt cho bốn thanh âm kia.
- Thương là thần tử (thần 臣) có nhiệm vụ làm cho mọi sự trở nên hiển dương, kết quả.
- Giốc là vạn dân (dân 民) như muốn tung ra khỏi vỏ vật chất để nô lên hướng tinh thần.
- Chủy là vạn sự (sự 事) thịnh đạt, phong doanh, phúc khánh.
- Vũ là vạn vật (vật 物) qui tàng về lòng vũ trụ, lúc chung cuộc.^[4]



Như trên đã nói, Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ ứng với năm dấu (note) là Fa (F), Sol (G), La (A), Do (C), Re (D). Sau này, Văn Vương thêm hai dây hay hai dấu (note) phụ là Biến Cung 變宮 và Biến Chủy 變徵.

Nếu ta coi Biến Cung là Mi (E) và Biến Chủy là Si (B), ta sẽ có một «toàn âm giai» (gamme diatonique)^[5] như của Tây phương:

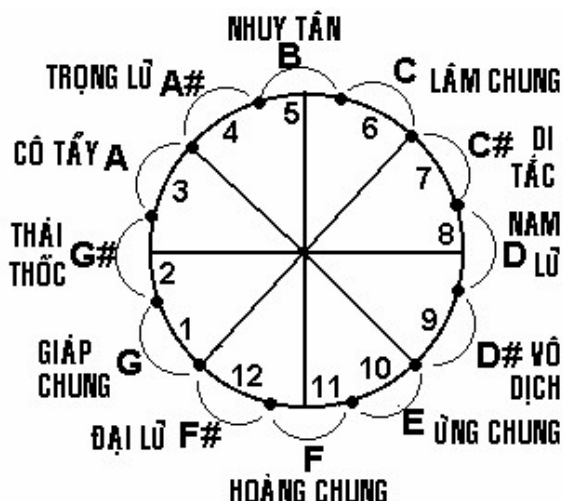


2. Thập nhị luật

Ngoài ra, người Trung Hoa còn đặt ra 12 dấu gọi là luật. Luật có Âm Dương:

* Sáu dấu Dương là Luật 律, gồm: 1- Hoàng Chung 黃鍾; 2- Thái Thốc 太簇; 3- Cô Tẩy 姑洗; 4- Nhụy Tân 蕤賓; 5- Di Tắc 夷則; 6- Vô Dịch 無射.

* Sáu dấu Âm là Lã 呂, gồm: 1- Lâm Chung 林鍾; 2- Nam Lữ 南呂; 3- Ứng Chung 應鍾; 4- Đại Lữ 大呂; 5- Giáp Chung 夾鍾; 6- Trọng Lữ 仲呂.



Dấu Dương đầu tiên là Hoàng Chung, tức là dấu Cung, ứng vào tháng 11, quẻ Phục, ứng vào sự khởi đầu của vạn vật. Cứ một dấu Dương lại đến một dấu Âm, theo thứ tự sau:

Thế là ta lại có một «bán âm giai» (gamme chromatique; chromatic scale)^[6] gồm 12 dấu:



Mỗi dấu hay mỗi luật đều được phát sinh ra bởi những ống trúc có kích thước nhất định, theo tiêu chuẩn và những định luật toán học như sau: Người ta dùng hạt thử làm đơn vị đo lường, vì mỗi hạt thử đều bằng nhau.

Hoàng Chung được phát ra do một ống có:

- Đường kính 3 hạt thử.
- Chu vi 9 hạt thử.
- Chiều dài 81 hạt thử.
- Dung tích 1200 hạt thử.^[7]

Khi được ống sinh ra dấu Hoàng Chung rồi, người ta lại theo định luật 'Tam phân tổn ích, cách bát tương sinh' mà chế ra các ống khác.

1. Hoàng Chung (Fa) 黃鍾 = 81
2. Lâm Chung (Do) 林鍾 = $(81 \times 2) : 3 = 54$
3. Thái Thốc (Sol) 太簇 = $(54 \times 4) : 3 = 72$
4. Nam Lữ (Ré) 南呂 = $(72 \times 2) : 3 = 48$
5. Cô Tẩy (La) 姑洗 = $(48 \times 4) : 3 = 64$
6. Ứng Chung (Mi) 應鍾 = $(64 \times 2) : 3 = 42$
7. Nhụy Tân (Si) 蕤賓 = $(42 \times 4) : 3 = 57$
8. Đại Lữ (Fa#) 大呂 = $(57 \times 4) : 3 = 76$

9. Di Tắc (Do#) 夷 則 = (76 x 2): 3 = 51

10. Giáp Chung (Sol#) 夾 鍾 = (51 x 4): 3 = 68

11. Vô Dịch (Ré#) 無 射 = (68 x 2): 3 = 45

12. Trọng Lũ (La#) 仲 呂 = (45 x 4): 3 = 60

Bị Chú:

* Ống 1 vừa là 80 và 81

* Ống 5 vừa là 63 và 64

* Ống 7 vừa là 56 và 57

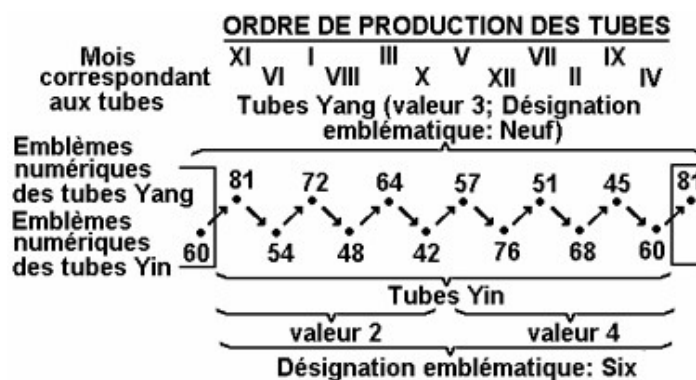
* Ống 8 vừa là 75 và 76

* Ống 9 vừa là 50 và 51

* Ống 10 vừa là 68 và 69

* Ống 11 vừa là 45 và 46

Đồ bản «Tam phân tổn ích, cách bát tương sinh» ứng với 12 tháng: [8]



Les nombres donnent les dimensions attribuées aux tubes par Houai-nan tseu.

Đồ bản «Tam phân tổn ích, cách bát tương sinh» ứng với kích thước mỗi ống:

1. Hoàng Chung (Fa)	9 tấc	81
2. Lâm Chung (Do)	6 tấc	54
3. Thái Thốc (Sol)	8 tấc	72
4. Nam Lũ (Ré)	5 tấc 3 phân	48
5. Cô Tẩy (La)	7 tấc 8 phân	64
6. Ứng Chung (Mi)	4 tấc 6 phân 6 ly	42
7. Nhụy Tân (Si)	6 tấc 3 phân 7 ly 6 hào	57
8. Đại Lũ (Fa#)	6 tấc 2 phân 8 ly	76
9. Di Tắc (Do#)	5 tấc 5 ly 1 hào	51
10. Giáp Chung (Sol#)	7 tấc 3 phân 3 ly 7 hào 3 ty	68
11. Vô Dịch (Ré#)	4 tấc 8 phân 8 ly 4 hào 6 ty	45
12. Trọng Lũ (La#)	6 tấc 5 phân 6 ly 3 hào 4 ty 6 hốt (dư 2 toán)	60

Ý nghĩa của âm nhạc đã được gởi gắm trong 12 dấu này, ví dụ:

- Hoàng Chung: Cốt để kích động, di dưỡng lục khí, cứu đức. [9]

- Thái Thốc: Cốt để giúp dưỡng khí, tức là tâm thân trở nên linh hoạt.

- Cô Tẩy: Cốt để làm cho vạn vật trở nên khiết tịnh, đẹp đẽ để có thể đón nhận thần linh, tiếp đãi tao nhân mặc khách.

- Nhụy Tân: Cốt để làm cho tinh thần của Thần và của người trở nên an tĩnh, thông cảm.

- Di Tắc: Chính là để đề cao 9 qui tắc trị dân.

- Vô Dịch: Cốt là để truyền bá, ca tụng khí phách và sự nghiệp của các triết nhân, các anh hùng hào kiệt, để treo gương cho dân.

Còn 6 dấu âm chỉ có nghĩa là làm cho cái gì còn «trầm phục» có thể «hiển dương», cái gì đã «tán viêt» được «điển xuyết»... [10]

Uyên Giám Loại Hàm, quyển I, tr. 0136 còn giải thích 12 luật như sau:

1. Hoàng Chung (Fa): Dương khí từ hoàng tuyền bốc lên.
2. Đại Lữ (Fa#): Điều trị, chuẩn bị đưa vạn vật xuất sinh, chuẩn bị cuộc lữ hành.
3. Thái Thốc (Sol): Vạn vật thốc sinh.
4. Giáp Chung (Sol#): Âm Dương giáp kề.
5. Cô Tẩy (La): Vạn vật tẩy sinh, trở nên thanh lịch.
6. Trọng Lữ (La#): Vạn vật đi lên cương cường (trở nên thanh lịch).
7. Nhuy Tân (Si): Âm khí ấu tiếu.
8. Lâm Chung (Do): Vạn vật đã bàng hoàng sắp chết.
9. Di Tắc (Do#): Âm khí như giặc cướp quấy rối vạn vật.
10. Nam Lữ (Ré): Cuộc lữ hành của Dương khí gần tới giai đoạn ẩn tàng.
11. Vô Dịch (Ré#): Dương khí vô dư (không còn thừa nữa).
12. Ứng Chung (Mi): Dương khí không dùng làm được việc nữa.

Ta cũng nên ghi nhận rằng mỗi cung (Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ) đều có đủ 12 luật, để có 12 x 5 = 60 thanh, như lục thập hoa giáp, ta có một đồ bản sau:

CUNG (FA) F	Hoàng (cung) Tân (chủy)	Lâm (chủy) Đại (thương)	Thái (thương) Di (vũ)	Nam (vũ) Giáp (giốc)	Cô (giốc) Vô (cung)	Ứng (cung) Trọng (chủy)
THƯƠNG (SOL) G	Hoàng (thương) Tân (vũ)	Lâm (vũ) Đại (giốc)	Thái (giốc) Di (cung)	Nam (cung) Giáp (chủy)	Cô (chủy) Vô (thương)	Ứng (thương) Trọng (vũ)
GIỐC (LA) A	Hoàng (giốc) Tân (cung)	Lâm (cung) Đại (chủy)	Thái (chủy) Di (thương)	Nam (thương) Giáp (vũ)	Cô (vũ) Vô (giốc)	Ứng (giốc) Trọng (cung)
CHỦY (DO) C	Hoàng (chủy) Tân (thương)	Lâm (thương) Đại (vũ)	Thái (vũ) Di (giốc)	Nam (giốc) Giáp (cung)	Cô (cung) Vô (chủy)	Ứng (chủy) Trọng (thương)
VŨ (RÉ) D	Hoàng (vũ) Tân (giốc)	Lâm (giốc) Đại (cung)	Thái (cung) Di (chủy)	Nam (chủy) Giáp (thương)	Cô (thương) Vô (vũ)	Ứng (vũ) Trọng (giốc)



B. BÁT ÂM VÀ NHẠC KHÍ

Về nhạc khí, người ta dùng 8 nguyên liệu mà chế ra:

1. Cách 革: Da, gồm các loại trống (Cổ 鼓= trống)^[11]
2. Bào 匏: Quả bầu, gồm các loại nhạc khí: Sanh (Sênh) 笙, Hoàng 簧, Vu 竽.
3. Trúc 竹: Trúc, gồm các loại quản, sáo như: Trì 篪 (sáo 8 lỗ); Địch 笛 (sáo ngang); Thược 簫 (sáo ngắn); Tiêu 簫 (sáo dọc); Quản 管 (sáo).
4. Mộc 木: Gỗ, gồm các loại: Chúc 祝, Ngử 梧.
5. Tì 絲: Tơ, gồm các loại đàn: Cầm 琴 (đàn 5 dây); Sắt 瑟 (đàn 23 hoặc 25 dây); Không 篋 篋 (đàn giống đàn sắt có 23 dây); Trúc 筑; Tỳ Bà 琵琶.
6. Thổ 土: Đất, gồm các loại: Huân 埴 và Phũu (Phẫu) 缶.
7. Kim 金: Kim khí, gồm các loại chuông trống, nã bặt, như: Chung 鐘 (chuông); Bác 鐃 (chuông to); Chạc 鐃 (chiêng); Nạo 鐃 (nã bặt).
8. Thạch 石: Đá, gồm các loại khánh: Ngọc Khánh 玉 磬, Thạch Khánh 石 磬, Đại Khánh 大 磬, Biên Khánh 編 磬, Sanh khánh 笙 磬, Tụng Khánh 頌 磬.

Ta có đồ bản sau đây:



Thế là bát âm ứng với bát phương, bát quái. Nghĩa là trong trời đất bất kỳ thứ gì nếu được tinh luyện chế hoá cũng có thể trở nên thanh kỳ và góp phần vào khúc đại hòa tấu của vũ trụ.

Nay ta sắp xếp lại các loại ngũ thanh (ngũ cung), bát âm, thập nhị luật lữ theo Dịch bằng đồ bản sau:

DỊCH	NHẠC
Vô Cực	Vô thanh - Thần, Tâm
Thái Cực	Thanh (âm, cung)
Lưỡng Nghi	Thanh âm (luật +), Trọc âm (lữ -)

Tứ Tượng	(Cung = Thái Cực), Thương, Giốc, Chủy, Vũ
Bát quái	Bát âm: cách, bầu, trúc, mộc, tỉ, thổ, kim, thạch
Âm dương tương sinh	Luật lữ tương sinh
Âm dương khuất thân, tỵ tán	Vũ công khuất thân, ngưỡng, phủ, chuyết, triệu, tất thu...
Biến dịch để bảo hợp thái hoà	Nhạc vũ để đưa đến thái hoà.

C. VŨ KHÍ

Các loại vũ khí (đạo cụ) cổ có: Mao 毛, Vũ 羽, Can 干, Thích 戚.

Múa Văn dùng Mao và Vũ. Múa Võ dùng Can và Thích. [\[12\]](#)

Nhạc có một phần kích, nên hết sức quan trọng đối với vua chúa xưa vì nó kích động và thanh lịch hóa tâm thần, [\[13\]](#) nên các trường đều phải học nhạc. Mỗi triều đại lại có một khúc nhạc tiêu biểu cho chí hướng, hoài bão và công trình của triều đại.

1. Thời Hoàng Đế 黃帝 có nhạc khúc Hàm Trì 咸池, ý muốn nói vua đã làm cho đạo đức phát huy, thi triển được khắp nơi.

2. Vua Nghiêu 堯 có nhạc Đại Chương 大章, ý nói lên lòng mong muốn cho nhân nghĩa đại hành, phát độ chương minh.

3. Vua Đế Khốc 帝嚳 có nhạc Lục Anh 六英, Chuyên Húc 顓頊 có nhạc Ngũ Hành 五莖.

4. Vua Thuấn 舜 có nhạc Tiêu Thiều 箫韶. Thiều nghĩa là kế tục, ý nói vua Thuấn muốn tiếp tục con đường của vua Nghiêu.

5. Vua Đại Vũ 大禹 có nhạc Đại Hạ 大夏, ý nói vua Đại Vũ nối tiếp về đường lối của hai vua Nghiêu và Thuấn; muốn cho thiên hạ được thái bình.

6. Nhà Ân 殷 có nhạc Đại Hộ 大濩, ý nói nhà Ân sẽ cố phục hưng, bảo hộ nền đạo đức của các thánh vương xưa.

7. Nhà Chu 周 có nhạc Đại Chức 大勺, cũng gọi là Đại Vũ, ý nói là sẽ chăm chức để luôn theo đường lối của hai vua Văn, Võ. [\[14\]](#)

Thế mới hiểu rằng: người xưa mượn lời thơ để nói lên chí hướng và hoài bão của mình, rồi phổ vào ca nhạc vũ để lời thơ trở nên bất diệt, hoài bão của mình được quảng thi, quảng diễn, nhờ đó ảnh hưởng sâu xa đến dân chúng. [\[15\]](#)

Tục truyền rằng khi thiên hạ đã thái bình thịnh trị, Hoàng Đế bèn truyền Linh Luân 伶倫 phải chế tạo nhạc khí để diễn tả lại cảnh thái hòa (harmonie universelle). Như vậy là muốn đưa đến cảnh thái hòa... Nhạc lý tưởng nhất là khi được đem trình diễn cho vua tôi cộng hưởng, tượng trưng được sự đại hòa lạc trong nước như Mạnh Tử đã nói trong thiên Lương Huệ Vương chương cú hạ.

Người xưa cho rằng: Xét thanh thì biết âm, xét âm thì biết nhạc, xét nhạc thì biết cách trị dân trị nước.

Ta giải như sau: Trong trời đất cái gì cũng có tinh, có thô, cái gì cũng đều có thể tinh luyện cho thành thanh cao được. Vì vậy nhà làm chính trị khi đã lo xong phần ngoại cảnh, phần cơm áo cho dân rồi, thì phải lo tinh luyện cho tâm thần của dân chúng trở nên thanh cao khiết tịnh, có nhân cách hoàn toàn để cùng nhau sống trong cảnh thái hòa.

Đàng khác, con người sinh ra chính là để tinh luyện tâm thần mình trở nên cao khiết, cho lòng mình trở nên khúc nhạc tuyệt vời, để cho hòa nhịp cùng khúc nhạc vũ trụ. Sự tinh luyện, sự phát triển tài đức con người tiềm ẩn trong lòng mình sẽ đem lại cho mình một niềm vui chân thực và cao quý, chứ con người

chúng ta sinh ra không phải để đắm mình vào thú vui ô trọc. Đi vào đường ấy là nghịch thiên, nghịch lý, sẽ bị tử vong.

Như vậy vui hay Dự (nói trong quẻ Dự) là thú vui hòa cùng mọi người, thú vui tinh thần cao khiết do công phu tu luyện phát sinh, lại được bảo trợ bằng sự cẩn mật đề phòng, chứ không phải là thú vui hưởng thụ sa đọa. Hiểu thế ta mới biết tại sao quẻ Dự lại gồm đủ các nghĩa: Vui hòa, Dật dự, Dự phòng, Nhạc.

CHÚ THÍCH

- [1] Trích từ phần bình luận quẻ DỰ trong quyển Chu Dịch Giảng Bình của Bs Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, quyển 2, sách Ronéo, Saigon, 1974, tr. 16-26.
- [2] Chung cổ, quản, khánh, vũ thước, can, thích, nhạc chi khí dã. Khuất, thân, phủ, ngưỡng, chuyết, triệu, tạt, thư, nhạc chi văn dã. 鐘鼓管磬羽籥干戚樂之器也。屈伸俯仰綴兆疾舒樂之文也。Uyên Giám Loại Hàm, III, tr. 3203.
- [3] Trong ký âm pháp (musical notation) của nhạc Tây phương, 7 mẫu tự A, B, C, D, E, F, G để chỉ các âm tương ứng là: La, Si, Do, Ré, Mi, Fa, Sol. Ngũ cung của cổ nhạc Trung Hoa tương tự với ngũ cung trong âm nhạc cổ Việt Nam là: Hò (chủ, C thấp), Xự (vũ, D), Xang (cung, F), Xê (thương, G), Cống (giốc, A), Liu (chủ, C; tức Hò cao hơn một bát độ: octave), Ú (vũ, D; tức Xự cao), Xáng (cung, F; tức Xang cao). Thang âm (âm giai) ngũ cung (gamme pentatonique; pentatonic scale) là nền tảng của nhạc cổ truyền Việt Nam và Trung Hoa.
- [4] Phòng theo Uyên Giám Loại Hàm, quyển III, tr. 3206. Nhạc tổng tài.
- [5] Gamme diatonique (diatonic scale): âm giai dị chuyển, tức là âm giai với các note điều hoà, tự nhiên, chưa bị thay đổi thăng [#] (dièse; sharp) hay giáng [b] (bémol; flat); phân biệt với gamme chromatique (chromatic scale): âm giai đồng chuyển, cũng gọi là bán âm âm giai 半音音階, tức là các note liên tiếp cách nhau bán âm hay ½ cung (demi-ton; semitone, half-step).
- [6] Xem chú thích về gamme diatonic (diatonic scale) ở trang trước.
- [7] Hạt thử còn dùng để làm đơn vị đo chiều dài:
- 1 hạt là một Phân 分.
 - 10 hạt là một Thốn 寸.
 - 10 Thốn là một Xích 尺.
 - 10 Xích là một Trượng 丈.
 - 10 Trượng là một Dẫn 引. (Đơn vị nhỏ hơn Phân 分 là: Li 釐, Hào 毫, Ti 絲, Hốt 忽)
- Nó còn dùng để làm đơn vị đo dung tích (capacité):
- 1200 hạt thử là một Thước 龠.
 - 10 Thước là một Hợp 合.
 - 10 Hợp là một Thăng 升.
 - 10 Thăng là một Đẩu 斗.
 - 10 Đẩu là một Hộc 斛.
- Nó cũng là đơn vị để cân lượng (Poids):

- 1200 hạt thử là 12 Thù 銖 (tức là 100 hạt thử là một Thù 銖).
- 24 Thù là một Lạng 兩.
- 16 Lạng là một Cân 斤.
- 30 Cân là một Quân 鈞.
- 4 Quân là một Thạch 石.

Xem trong Angelo Zottoli, *Cursus Litteraturæ Sinicæ*. Xem A. Chamfrault, *Traité de Médecine Chinoise*, I, p.165.

[8] Marcel Granet, *La Pensée Chinoise*, Paris 1968, p. 182.

[9] Cửu đức: Khoan nhi lật, nhu nhi lập, nguyệt nhi cung, loạn nhi kính, nhiều nhi nghi, trực nhi ôn, giản nhi khiêm, cương nhi tặc cường nhi nghĩa. (Từ Nguyên)

[10] Uyên Giám Loại Hàm, quyển III, tr. 3205-3206.

[11] Trống có nhiều loại: Thổ Cổ 土鼓, Túc Cổ 足鼓, Doanh Cổ 楹鼓, Huyền Cổ 玄鼓. Huyền Cổ có:

- Các loại trống đa giác: Trống bát giác (Lôi Cổ 雷鼓); trống lục lăng (Linh Cổ 靈鼓); trống vuông (Lộ Cổ 路鼓).
- Các loại trống tròn lớn: Phần Cổ 鼗鼓; Cao Cổ 皋鼓.
- Các loại trống nhỏ: Ứng Cổ 應鼓, Kiến Cổ 建鼓, Nhã Cổ 雅鼓. Xem *Cursus Litteraturæ Sinicæ*, tr. 71.

[12] Vương giả chi nhạc, hữu tiên hậu giả, các thượng kỳ đức dã, dĩ văn đắc chi tiên, vũ vũ trì vũ mao nhi vũ. Dĩ vũ đắc chi tiên, vũ nhạc trì chu can, ngọc thích nhi vũ. 王者之樂,有先後者.各尚其德也,以文得之先,文舞持羽毛而舞.以武得之先,武樂持朱干玉戚而舞. Uyên Giám Loại Hàm, q. III, tr. 3204.

[13] La musique excite le principe 陽 et fait croître les êtres. (K'oung Ing Ta: Khổng Dĩnh Đạt 孔穎達). Li Ki 禮記 (Couvreur), I, tr. 352 note.

[14] Uyên Giám Loại Hàm, q. III, mục «Nhạc tổng tải», tr. 3024.

[15] Thư Kinh, Thuấn điển; tiết 23: Thi ngôn chí, ca vĩnh ngôn, thanh y vĩnh, luật hòa thanh, bát âm khắc hài. 詩言志,歌永言,聲依永,律和聲,八音克諧.